**TOÁN**

**ĐẠI SỐ**

**CHƯƠNG II. HÀM SỐ BẬC NHẤT**

**§1. NHẮC LẠI VÀ BỔ SUNG KHÁI NIỆM VỀ HÀM SỐ**

**1. Khái niệm hàm số.**

\* Nếu đại lượng y phụ thuộc vào đại lượng thay đổi x sao cho mỗi giá trị của x ta luôn xác định được một giá trị tương ứng của y thì y được gọi là hàm số của x và x được gọi là biến số

\* Hàm số có thể được cho bằng bảng hoặc bằng công thức

\* Khi y là hàm số của x ta có thể viết: y = f(x); y =g(x)…

\* Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị không đổi thì hàm số y được gọi là hàm hằng

**2. Đồ thị của hàm số.**

1

A

B

C

D

E

F

0

2

5

y

1

2

3

4

5

6

x

3

4

6

-1

-1

y

x

1

2

-1

-2

1

-1

-2

2

A

**? 2** a)

b) Với x = 1 thì y = 2 ta có A(1;2)

**\***Tập hợp tất cả các điểm biểu diễn các cặp giá trị tương ứng (x ; f(x)) trên mặt phẳng toạ độ được gọi là đồ thị của hàm số y = f(x)

**3. Hàm số đồng biến, nghịch biến.**

***Môt cách tổng quát:***

*Cho hàm số y = f(x) xác định với mọi x thuộc R. Với mọi x1, x2 bất kì thuộc R*

*\*Nếu x1 < x2 mà f(x1) < f(x2) thì hàm số y = f(x) đồng biến trên R*

*\*Nếu x1 < x2 mà f(x1) > f(x2) thì hàm số y = f(x) nghịch biến trên R*

**§2+§3: HÀM SỐ BẬC NHẤT**

**1. Khái niệm về hàm số bậc nhất.**

**\* Định nghĩa:**

Hàm số bậc nhất là hàm số được cho bởi công thức y = ax + b. Trong đó a, b là các số cho trước và 

⏵**Chú ý:** Khi b = 0, hàm số có dạng y = ax (đã học ở lớp 7)

**2. Tính chất**

?3 Lấy x1, x2  sao cho x1 < x2

f(x1) = 3x1 + 1

f(x2) = 3x2 + 1 ta có



Vì x1 < x2 suy ra f(x1) < f(x2) thì hàm số y = 3x + 1 đồng biến trên R.

**Tổng quát:**

Hàm số bậc nhất y = ax + b xác định với mọi giá trị x thuộc R và có tính chất sau:

a) Đồng biến trên R, khi a > 0.

b) Nghịch biến trên R, khi a < 0

**3. Đồ thị của hàm số y = ax + b (a ≠ 0).**



?2

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| x | - 3 | - 2 | - 1 | 0 | 1 | 2 | 3 |
| y = 2x | - 6 | - 4 | - 2 | 0 | 2 | 4 | 6 |
| y = 2x + 3 | - 3 | - 1 | 1 | 3 | 5 | 7 | 9 |



***\* Tổng quát :***

Đồ thị hàm số y = ax+b (a) là một đường thẳng:

- Cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng b

- Song song với đường thẳng y = ax, nếu b trùng với đường thẳng y = ax, nếu b = 0

***\* Chú ý :*** (sgk.tr50)

**\* Cách vẽ đồ thị của hàm số y = ax + b (a ≠ 0) .**

**\* Cách vẽ: (sgk.tr51)**

**Bước 1**: xác định điểm nằm trên trục tung.

Cho x = 0 thì y = b ta được điểm A(0 ; b) xác định điểm thuộc trục hoành

Cho y = 0 thì x =  ta được điểm B

**Bước 2**: Vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A, B trên mặt phẳng tọa độ, ta được đồ thị hàm số cần tìm.

**HÌNH HỌC**

**§3: LIÊN HỆ GIỮA DÂY VÀ KHOẢNG CÁCH TỪ TÂM ĐẾN DÂY**

**1. Bài toán**

Ta có OK  CD

tại K, OH  AB tại H.

Xét KOD ()

Và HOB ()

Ap dụng định lí Pitago ta có:

Giả sử CD là đường kính

 K trùng O  KO=0, KD=R

***Chú ý:*** SGK

**2. Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây**

?1

a) OH  AB, OK  CD theo định lí về đường kính vuông góc với dây

HB=KD  HB2=KD2

Mà OH2+HB2=OK2+KD2 (cmt)

 OH2=OK2  OH=OK.

Nếu OH=OK  OH2=OK2

Mà OH2+HB2=OK2+KD2

 HB2=KD2  OK+KD

Hay 

***Định lí 1: SGK.***

?2 a) Nếu AB>CD 

 HB>KD (vì HB=AB, KD=CD) HB2>KD2 (1)

Mà OH2+HB2=OK2+KD2 (2)

Từ 1 và 2 suy ra OH2<OK2 mà OH;OK>0 nên OH<OK.

b) Nếu OH<OK thì AB>CD.

***Định lí 2: SGK***

**VẬT LÝ**

**BÀI 16. ĐỊNH LUẬT JUN – LEN - XƠ**

**A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT.**

**I. Trường hợp điện năng biến đổi thành nhiệt năng:**

1. Một phần điện năng biến đổi thành nhiệt năng:

- bóng đèn dây tóc, đèn LED

2. Toàn bộ điện năng được biến đổi thành nhiệt năng.

- Bàn là, mỏ hàn, ấm điện.

**II. Định luật Jun – Len - Xơ:**

1. ***Hệ thức của định luật***

Q = I2R.t.

1. **Phát biểu định luật**

***Nhiệt lượng tỏa ra ở dây dẫn khi có dòng điện chạy qua tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, với điện trở của dây dẫn và thời gian dòng điện chạy qua.***

**Q = I2.R.t**

I là cường độ dòng điện (A)

R là điện trở của dây dẫn ()

t là thời gian dòng điện chạy qua. ( s)

Q là nhiệt lượng tỏa ra ở dây dẫn (J)

**Q = 0,24 I2. R. t**  (cal)

**B. BÀI TẬP.**

**16-17.1** Định luật Jun – Lenxơ cho biết điện năng biến đổi thành:

A. Cơ năng.                             B. Năng lượng ánh sáng.

C. Hóa năng                            D. Nhiệt năng

**16-17.2** Câu phát biểu nào dưới đây là không đúng?

Nhiệt lượng tỏa ra ở dây dẫn khi có dòng điện chạy qua:

A. tỉ lệ thuận với cường độ dòng điện, với điện trở của dây dẫn với thời gian dòng điện chạy qua.

B. tỉ lệ thuận với bình phương cường độ dòng điện, với điện trở của dây dẫn và với thời gian dòng điện chạy qua.

C. tỉ lệ thuận với bình phương hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, với thời gian dòng điện chạy qua và tỉ lệ nghịch với điện trở dây dẫn.

D. tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn, với cường độ dòng điện và với thời gian dòng điện chạy qua.

**16-17.7** Đặt một hiệu điện thế U vào hai đầu của một biến trở R thì cường độ dòng điện chạy qua là I. Công thức nào dưới đây không phải là công thức tính nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn trong thời gian t?

A. Q=Ut/I             B. Q=UIt              C. Q=U2t/R          D. Q=I2Rt

**16-17.8** Mắc các dây dẫn vào hiệu điện thế không đổi. Trong cùng một thời gian thì nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn phụ thuộc như thế nào vào điện trở dây dẫn?

A. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp đôi.

B. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.

C. Tăng gấp bốn khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.

D. Giảm đi một nửa khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp bốn.

**16-17.10** Dòng điện có cường độ 2mA chạy qua một điện trở 3kΩ trong thời gian 10 phút thì nhiệt lượng toả ra ở điện trở này có giá trị nào dưới đây?

A. Q=7,2J            B. Q=60J              C. Q=120J            D. Q=3600J

**16-17.6** Một bếp điện được sử dụng với hiệu điện thế 220V thì dòng điện chạy qua bếp điện có cường độ 3A. Dùng bếp này đun sôi được 2 lít nước từ nhiệt độ ban đầu 200 trong thời gian 20 phút. Tính hiệu suất của bếp điện, biết nhiệt dung riêng của nước là c=4200J/kg.K

**16-17.11** Thời gian đun sôi 1,5 lít nước của một ấm điện là 10 phút. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây nung của ấm là 220V. Tính điện trở của dây nung này, biết rằng nếu kể cả nhiệt lượng hao phí để đun sôi 1 lít nước thì cần nhiệt lượng là 420000J.

**16-17.13** Một bình nóng lạnh có ghi 220V-1100W được sử dụng với hiệu điện thế 220V.

a. Tính cường độ dòng điện chạy qua bình khi đó.

b. Tính thời gian để bình đun sôi 10 lít nước từ nhiệt độ 200C, biết nhiệt dung riêng của nước là 4200J/kg.K và nhiệt lượng bị hao phí là rất nhỏ.

c. Tính tiền điện phải trả cho việc sử dụng bình như trên trong 30 ngày, biết rằng thời gian sử dụng trung bình mỗi ngày là 1 giờ và giá tiền điện là 1000đ/kW.h

**SINH HỌC**

**Bài 18: PROTEIN**

**I**. **Cấu trúc của protein .**

- Thành phần cấu tạo hoá học: Được cấu tạo từ 4 nguyên tố

cơ bản : C.H,O,N; thuộc loại đa phân có khối lượng phân tử

lớn.

- Cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, mỗi đơn phân là các axid amin .

- Tính đa dạng và đặc thù của protein được quy định bởi số lượng, thành phần , trình tự sắp xếp các axid amin (aa)

- Đặc điểm cấu trúc theo nguyên tắc đa phân với 20 loại aa đã tạo nên tính đa dạng và đặc thù của protein.

- Tính đa dạng và đặc thù của protein còn đ­ược quy định bởi cấu trúc không gian: bậc 1,2,3,4.

**II. Chức năng của protein** .

1. Chức năng cấu trúc: Là thành phần cấu tạo nên chất nguyên sinh, các bào quan và màng sinh chất trong tế bào.

2. Chức năng xúc tác các quá trình trao đổi chất: Là thành phần chủ yếu của các enzim có tác dụng thúc đẩy các phản ứng hóa học nên có vai trò xúc tác cho các quá trình trao đổi chất.

3. Chức năng điều hòa các quá trình trao đổi chất: Là thành phần cấu tạo nên phần lớn các hooc môn, có vai trò điều hòa các quá trình trao đổi chất trong tế bào và cơ thể.

**Bài 19: MỐI QUAN HỆ GIỮA GEN VÀTÍNH TRẠNG**

**I. Mối quan hệ giữa ARN và prôtêin**

- mARN là dạng trung gian trong mối quan hệ giữa gen và protein. mARN có vai trò truyền đạt thông tin về cấu trúc của protein.

- Sự hình thành chuỗi axit amin được thực hiện dựa trên mạch khuôn mẫu mARN:

+ mARN rời khỏi nhân đến riboxôm để tổng hợp protêin .

+ Các tARN mang axit amin vào riboxôm khớp với mARN theo nguyên tắc bổ sung -> đặt axit amin vào đúng vị trí.

+ Khi ribôxôm dịch chuyển hết chiều dài của mARN -> chuỗi axit amin được tổng hợp xong.

- Cứ 3 nucleotit ở mARN mã hóa cho một aa gọi là bộ 3 mã hóa.

- Sự kết hợp các nucleotit của mARN với nucleotit của tARN theo NTBS: A-U; G-X . Trình tự các nucleotit trên mARN quy định trình tự các aa trên phân tử protein.

**II. Mối quan hệ giữa gen và tính trạng**

- Mối quan hệ giữa gen (một đoạn ADN) -> mARN -> Protein là: trình tự các nucleotit trong gen quy định trình tự các nucleotit trong mARN, qua đó quy định trình tự các axit amin tạo thành protein. Protein tham gia vào cấu trúc và hoạt động của Tb để quy định tính trạng của cơ thể.

**CÔNG NGHỆ**

**BÀI 6. THỰC HÀNH: LẮP MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN**

**Nội dung chính**

    - Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện bảng điện.

    - Hiểu được quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện.

    - Lắp đặt được bảng điện gồm 2 cầu chì, 1 ổ cắm, 1 công tắc điều khiển 1 bóng đèn.

    - Đảm bảo an toàn điện.

**I. Dụng cụ, vật liệu và thiết bị**

    - Dụng cụ: Kìm cắt dây, kìm tuốt dây, khoan tay (mũi khoan Φ 2mm và Φ5mm), dao, tua vít, bút thử điện, thước kẻ, bút chì.

    - Thiết bị: Cầu chì, công tắc, ổ lấy điện, đui đèn, bóng đèn, dây dẫn điện.

    - Vật liệu: Bảng điện, băng dính, giấy giáp.

### II. Nội dung và trình tự thực hành

**1. Tìm hiểu chức năng của bảng điện**

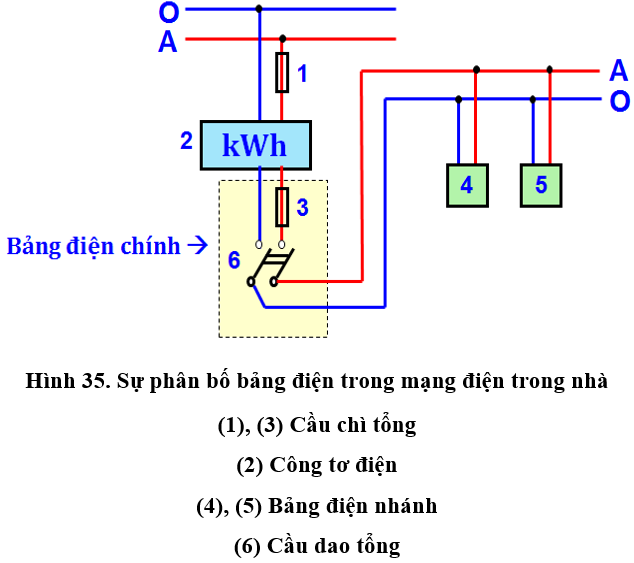
**Bảng điện** là một phần của mạng điện trong nhà. Trên bảng điện thường lắp những thiết bị đóng cắt, bảo vệ và lấy điện của mạng điện.

• **Bảng điện chính:**

       ◦ Cung cấp điện cho toàn hệ thống điện trong nhà.

       ◦ Thường chỉ lắp cầu chì tổng, cầu dao tổng hoặc áp tô mát tổng.

   ◦ Thường chỉ lắp cầu chì tổng, cầu dao tổng hoặc áp tô mát tổng.



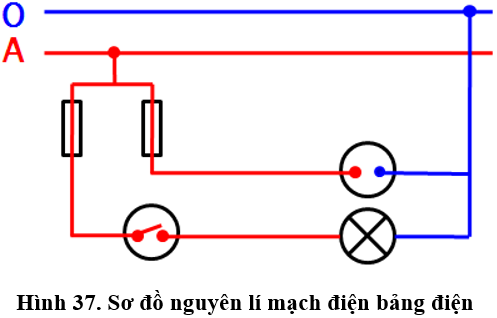
**Bảng điện nhánh:**

       ◦ Cung cấp điện tới các đồ dùng điện.

       ◦ Thường lắp cầu chì, công tắc, ổ cắm, hộp số quạt ...

**2. Vẽ sơ đồ mạch điện**

a. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lý



    • **Bảng điện gồm:** 2 cầu chì, 1 công tắc 2 cực điều khiển 1 đèn và 1 ổ cắm điện.

    • Công tắc và cầu chì mắc nối tiếp với nhau và nối với dây pha.

    • Bóng đèn, ổ cắm mắc song song với nhau và nối với dây trung tính.

Có nhiệm vụ cung cấp điện tới đồ dụng điện.

- Những thiết bị được lắp trên bảng điện:

+ Cầu chì: bảo vệ mạch điện, tránh đoản mạch.

+ Ổ cắm: dùng để lấy điện đưa vào dụng cụ dùng điện.

+ Công tơ: đo điện năng tiêu thụ

+ Cầu dao: dùng để đóng ngắt mạch điện bằng tay đơn giản, được sử dụng trong các mạch điện có điện áp nguồn cung cấp đến 200V ( điện 1 chiều ) và đến 300V ( điện xoay chiều).

+ áptômát: là khí cụ điện dùng để tự động ngắt mạch điện, bảo vệ quá tải, ngắt mạch và sụt áp.

=>Bảng điện trong nhà dùng dể phân phối điểu khiển nguồn năng lượng điện cho mạng điện và các đồ dùng điện.

**NGỮ VĂN**

Văn bản **ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Huy Cận ( 1919- 2005 ) Quê quán : Hà Tĩnh .

- Nổi tiếng trong phong trào *Thơ mới* với tập thơ *Lửa thiêng*

- Sau cách mạng, là một trong những nhà thơ tiêu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam

- Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996)

- Phong cách sáng tác:

    + Trước cách mạng, hồn thơ ông là một hồn thơ ảo não

    + Sau cách mạng, hồn thơ ông có sự biến chuyển tươi vui hơn

2.Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác: 1958 khi tác giả đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh, được in trong tập *“Trời mỗi ngày lại sáng”.*

b.Thể loại: thơ mới (thơ 7 chữ)

c. PTBĐ: Biểu cảm.

3. Bố cục:

*-* Khổ 1 – 2 -> Hoàng hôn trên biển và cảnh đoàn thuyển ra khơi.

- Khổ 3 – 6 -> Cảnh đoàn thuyển đánh cá trên biển đêm.

- Khổ 7: -> Cảnh đoàn thuyển trở về.

II. TÌM HIỂU VĂN BẢN

**Luận đểm 1. Hoàng hôn trên biển và đoàn thuyền đánh cá ra khơi (khúc hát ra khơi)**

**( khổ 1+2):**

\*Khổ 1.

“*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa*

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

*-Hai câu đầu:* tả cảnh hoàng hôn trên biển

“*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

+ Nghệ thuật so sánh: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa”. Mặt trời được ví như hòn lửa đêm đến cho bức tranh hoàng hôn một vẻ đẹo rực rỡ tráng lệ, ấm áp chớ không ảm đạm hui hắt như trong thơ cổ.

+Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa -> Nhà thơ liên tưởng vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm là cánh cửa còn sóng biển là then cài. Vũ trụ đã đi vào nghỉ ngơi thư giản. Biển cả bao la nhưng lại là ngôi nhà thân thuộc của mỗi ngư dân.

-Hai câu cuối: cảnh đoàn thuyền ra khơi

“*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

+ Nghệ thuật: đối lập (với 2 câu trên) -> Sự đối lập giữa con người và thiên nhiên. Khi vũ trụ nghỉ ngơi thì ngư dân lại bắt đầu công việc đánh bắt cá.

+ Từ “lại” cho thấy đó là một công việc thường xuyên, quen thuộc của họ, cứ màn đêm buống xuống thì họ lại ra khơi

+ Ẩn dụ “câu hát căng buồm” cho thấy câu hát cũng như có sức mạnh góp gió căng buồm đẩy con thuyền ra khơi

  ⇒ Vũ trụ bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu ra khơi đánh cá với khí thế phơi phới và niềm vui đang chinh phục biển khơi.

\*Khổ 2: Câu hát thể hiện mong ước đánh nhiều cá và sự tự hào về sự giàu có của biển

- “ Cá bạc, cá thu” gợi sự giàu có phong phú của biển.

- So sánh “cá thu biển đông như đoàn thoi” – từng đàn cá lao trên mặt biển như đoàn thoi mang ánh sáng lấp lánh dệt muôn luồng sáng trên tấm thảm biển.

- Ẩn dụ, nhân hóa “đêm ngày dệt biển” những con cá tạo ra nhiều sắc màu khi chuyển động làm cho mặt biển trở nên rực rỡ.

- Nhà thơ cất tiếng gọi cá thật dịu dàng “đến dệt lưới ta đoàn cá ơi”: vừa là lời gọi vừa là niềm mong ước đánh được nhiều cá vừa xen cả sự lạc quan tươi vui và tự hào về biển.

***b.Luận điểm 2. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển trong đêm trăng*.**

\*Khổ 3: **Người dân** ra khơi với tư thế tầm vóc lớn lao

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”*

- Nghệ thuật phóng đại “Lướt giữa mây cao với biển bằng”- con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây qua cái nhìn của tác giả đã sánh ngang tầm vũ trụ

- Nghệ thuật ẩn dụ: “lái gió buồm trăng”: thiên nhiên hòa hợp cùng con người lao động

⇒ Các biện pháp nghệ thuật trên làm nổi bật tầm vóc lớn lao, phi thường của con người và đoàn thuyền.

- Không khí lao động đang trở nên hứng khởi “ Ra đậu dặm xa dò bụng biển”- mặc đêm tối, mặc gió khơi người dân chài vẫn ra khơi dò luồng cá trong lòng biển.

- Ẩn dụ: “Dàn đan thế trận”- công việc đánh cá của người dân chài như một trận chiến đấu phải có kế hoạch tác chiến.

    ⇒ Sự kết hợp giữa hiện thực (đoàn thuyền) với chất lãng mạn (thuyền lái gió, trăng treo trên cánh buồm) tạo nên những vần thơ đẹp và sâu sắc.

 \* Khổ 4:Cảnh biển đẹp trong đêm.

- Nhà thơ đã liệt kê những loài cá quý của biển: cá nhụ, cá chim, cá đé cho thấy sự phong phú và giàu có của biển.

- Nhân hóa “Cái đuôi em quẫy” kết hợp với các tính từ chỉ màu sắc: làm cho lời thơ thêm sinh động.

- Phép so sánh “đuôi cá” với “ngọn đuốc”: hình ảnh so sánh thú vị giàu liên tưởng. Những con cá song như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong dòng nước lấp lánh quả là một hình ảnh độc đáo. Mỗi khi: “Cái đuôi em quẫy”, trăng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên.

- Nhà thơ gọi cá bằng một cách gọi rất dịu dàng “em” ẩn chứa sự yêu mến với cá và biển cả quê hương.

- Hình ảnh nhân hóa“ Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”: Màn đêm trước biển như một sinh mệnh. Tiếng thở trong đêm của biển chính là ánh sao lùa sóng nước. Thật ra, là sóng biển đu đưa rì rào va đập vào mạn thuyền. Trăng, sao phản chiếu ánh sáng xuống nước biển, mỗi khi sóng vỗ nhịp tưởng như có bàn tay của sao trời đang “lùa nước Hạ Long”

        ⇒ Thiên nhiên trên biển đêm thực sự rực rỡ sắc màu như một bức tranh sơn mài

\* Khổ 5:Tinh thần lao động hăng say và lòng biết ơn biển cả.

- “Ta hát bài ca gọi cá vào”: Người dân chài đã biến công việc nặng nhọc thành bài ca vui tươi ⇒ Tiếng hát của người dân chài có khả năng kì diệu là gọi cá vào lưới

-Hình ảnh nhân hóa “gõ thuyền đã có nhịp trăng cao” -> thiên nhiên cũng góp sức vào công việc đánh bắt cá của người ngư dân.

⇒ bút pháp lãng mạn khi miêu tả giúp cho công việc đánh cá đêm trở nên thơ mộng.

    + Những người dân chài vô cùng biết ơn biển cả “biển cho ta cá như lòng mẹ”

    + So sánh biển với lòng mẹ cho thấy biển nuôi sống nhân dân từ bao đời nay

        ⇒ Nói lên lòng tự hào và biết ơn biển

  • Khổ 6:Cảnh thu hoạch cá

- “sao mờ kéo lưới kịp trời sáng”: người dân thu hoạch cá vào lúc trơi đã gần sáng hăng say

- “Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”: công việc trở nên khẩn trương với hi vọng đón chờ chùm cá nặng, cho hình dung thấy những cánh tay sắn chắc, cuồn cuộn, tư thế hiên ngang, làn da nhuộm năng gió, nhuộm cả vị mặn mòi của biển cả

- Kéo lưới lên là khi trời đã sáng, bình minh lên là kết thúc công việc đánh cá

        ⇒ Bút pháp lãng mạn được sử dụng làm nổi bật vẻ thơ mộng khi đã kết thúc công việc đánh cá đêm.

- “Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông”: Hình ảnh những con cá lung linh, tươi đẹp như tương lai tươi sáng của người dân chài

⇒ Cảnh biển vào lúc mình minh bao la, kì vĩ ⇒ Đoàn thuyền đang khẩn trương để trở về.

**3. Đoàn thuyền đánh cá trở về( Khúc ca khải hoàn) (Khổ 7)**

- Điệp khúc “Câu hát căng buồm với gió khơi”: gió thổi đưa câu hát của người dân chài bay cao, bay xa trên biển.

- Phép nhân hóa “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”: Đoàn thuyền lướt sóng trở về như đua cùng thời gian để nhanh chóng trở về bến cảng

 ⇒ Câu hát lúc trở về say sưa, hân hoan hơn bao giờ hết, vì một đêm lao động vất vả đã được đề đáp một cách xứng đáng

- “Mặt trời đội biển nhô màu mới”: niềm hi vọng, sự ngợi ca cuộc sống mới của người dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, được làm chủ cuộc sống của mình

- *Hình ảnh ẩn dụ: “Mắt cá huy hoàng”* là ánh sáng huy hoàng của niềm vui, niềm tin vào một cuộc đời tốt đẹp

        ⇒ Vẻ đẹp của con người, thiên nhiên hòa hợp nhuần nhuyễn thành vẻ đẹp thực sự tráng lệ

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật:

- Sử dụng bút pháp lãng mạn với các BPNT đối lập so sánh, nhân hoá, phóng đại:

- Khắc hoạ những h.ảnh đẹp về mặt trời lúc hoàng hôn, khi bình minh, h.ảnh biển cả và bầu trời trong đêm, h.ảnh ngư dân và đoàn thuyền đánh cá.

- M.tả sự hài hoà giữa th.nhiên và con người.

-Sử dụng ngôn ngữ thơ giàu h.ảnh, nhạc điệu gợi liên tưởng.

2. Nội dung :

Bài thơ thể hiện nguồn cảm hứng lãng mạn ngợi ca biển cả lớn lao, giàu đẹp, ngợi ca nhiệt tình lao động vì sự giàu đẹp của đất nước của những người lao động mới.

**LỊCH SỬ**

**TIẾT 10 BÀI 8 NƯỚC MĨ**

### I. TÌNH HÌNH KINH TẾ NƯỚC MĨ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

   - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới.

* Nguyên nhân của sự phát triển:

 + Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, giàu tài nguyên

+ Không bị chiến tranh tàn phá, mà làm giàu từ chiến tranh thông qua buôn bán vũ khí.

 + Biết áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại.

  + Quá trình tập trung tư bản cao, các tổ hợp công nghiệp – quân sự hoạt động có hiệu quả.

  + Vai trò điều tiết của Nhà nước.

   - Những thập niên tiếp theo, tuy vẫn đứng đầu thế giới về nhiều mặt nhưng kinh tế Mĩ không còn giữ được ưu thế như trước.

   - Nguyên nhân làm địa vị kinh tế Mĩ suy giảm:

      + Tây Âu, Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành những trung tâm kinh tế cạnh tranh gay gắt với Mĩ.

      + Kinh tế không ổn định, vấp phải suy thoái, khủng hoảng.

+ Mĩ chi khoản tiền lớn cho việc chạy đua vũ trang và các cuộc chiến tranh xâm lược.

      + Chênh lệch giàu nghèo quá lớn gây nên sự không ổn định về kinh tế và xã hội.

### III. CHÍNH SÁCH ĐỐI NỘI VÀ ĐỐI NGOẠI CỦA MĨ SAU CHIẾN TRANH

   - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Dân chủ và Đảng cộng hòa thay nhau lên cầm quyền ở Mĩ.

**a. Chính sách đối nội:**

   - Ban hành nhiều đạo luật phản động như: cấm Đảng Cộng sản hoạt động, chống lại phong trào đình công và loại những người có tư tưởng tiến bộ ra khỏi bộ máy nhà nước.

- Các đời tổng thống Mĩ tiếp tục thực hiện các chính sách ngăn cản phong trào công nhân, chính sách phân biệt chủng tộc.

   - Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Mĩ vẫn diễn ra liên tục.

**b. Chính sách đối ngoại:**

   - Đề ra “Chiến lược toàn cầu” nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc, thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

   - Viện trợ để lôi kéo, khống chế các nước nhận viện trợ, lập các khối quân sự, tiến hành chiến tranh xâm lược.

BÀI TẬP TUẦN 10

Câu 1: Mối quan hệ hiện nay của Mĩ và Việt Nam?

Câu 2: Vẽ sơ đồ tư duy về nước Mĩ? Theo nội dung bài học.

Làm bài nộp nhé

**GDCD**

**Bài 7. KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC (Tiết 2)**

**Nội dung bài học**

**3. Ý nghĩa**

Truyền thống tốt đẹp của dân tộc vô cùng quý giá,

Giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc giúp

- Góp phần tích cực vào quá trình phát triển của dân tộc và cá nhân

- Góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam

**4.Trách nhiệm công dân học sinh:**

- Tự hào, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp

- Lên án, ngăn chặn hành vi làm tổn hại truyền thống

**THỂ DỤC**

**CHỦ ĐỀ: Chạy ngắn.**

**Tiết PPCT 19:**

- Ôn:

+ Xuất phát thấp – chạy lao – chạy giữa quãng – về đích (60m).

- Học: Giới thiệu một số điểm trong Luật Điền kinh (phần chạy ngắn mục d, e) (Tham khảo sách TD 9).

**Tiết PPCT 20:**

Hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn (60m).